

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KTNS
V/v triển khai thực hiện Nghị định
số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ
quy định tiêu chuẩn, định mức
sử dụng xe ô tô trên địa bàn tỉnh.

Đồng Nai, ngày tháng 01 năm 2024

Kính gửi:

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Sở, Ban, Ngành, Hội đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
- Văn phòng Huyện ủy; Thành ủy Long Khánh và Thành ủy Biên Hòa;
- Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước;
- Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai;
- Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai;
- Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai.

Ngày 26/9/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô (thay thế Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ), Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 10/11/2023; Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện các nội dung như sau:

A. Về nội dung Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ: triển khai đến cơ quan, tổ chức, đơn vị một số nội dung Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô.

I. Đối tượng áp dụng: quy định tại Điều 2 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

II. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, có quy định mức giá:

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 quy định: chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian

công tác với giá mua tối đa 1.600 triệu đồng/xe, gồm: áp dụng trên địa bàn tỉnh đối với chức danh Ủy viên Trung ương Đảng chính thức.

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 quy định: chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa 1.550 triệu đồng/xe: áp dụng trên địa bàn tỉnh đối với chức danh Bí thư Tỉnh ủy.

Như vậy trên địa bàn tỉnh có 01 người giữ 02 chức danh Ủy viên Trung ương Đảng chính thức, Bí thư Tỉnh ủy nên áp dụng theo tiêu chuẩn cao nhất với giá mua tối đa 1.600 triệu đồng/xe (khoản 2 Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023). Phương thức quản lý xe ô tô: UBND tỉnh giao Văn phòng Tỉnh ủy chịu trách nhiệm quản lý.

III. Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác, có quy định mức giá:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 quy định: chức danh được sử dụng xe ô tô với giá mua tối đa 1.400 triệu đồng/xe: áp dụng trên địa bàn tỉnh gồm: Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Phương thức quản lý 05 chiếc, trong đó có 03 chiếc cho chức danh Phó Bí thư Tỉnh ủy: UBND tỉnh giao Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm quản lý.

IV. Phạm vi, đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung:

Căn cứ Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, được áp dụng trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị), doanh nghiệp nhà nước, không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

2. Các đối tượng sau đây được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước giao (không sử dụng để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại):

c) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương cấp tỉnh.

đ) Bí thư Huyện ủy, Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy, Thành ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

g) Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

h) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị; danh mục nhiệm vụ đặc thù được quy định cụ thể tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước quyết định cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài các đối tượng quy định tại khoản 2 nêu trên được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để đi công tác.

4. Các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 được bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê dịch vụ xe ô tô khi đi công tác. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

V. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh:

Căn cứ Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, quy định:

1. Xe ô tô phục vụ công tác chung của khối các Văn phòng cấp tỉnh gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Tổng số tối đa 15 xe.

Trường hợp tỉnh có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên từ 5.000 km² trở lên hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị.

Định mức cụ thể của từng Văn phòng quy định tại khoản này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (sau khi có ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy). Các ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh sử dụng xe ô tô trong định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để phục vụ công tác. Trường hợp Văn phòng Tỉnh ủy phục vụ chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

của Văn phòng Tỉnh ủy bao gồm cả số xe theo quy định tại khoản này và khoản 2 Mục này.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy trực thuộc trung ương (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy):

a) Tối đa 01 xe/01 đơn vị; trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên từ 5.000 km² trở lên hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị.

b) Trường hợp cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 50 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Trường hợp cơ quan, đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

3. Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (không phải là các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Mục này) được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 300 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 400 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 400 người đến 500 người: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

g) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người trở lên thì cứ 300 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.

h) Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc/và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên trên 5.000 km² hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì ngoài số lượng xe được xác định theo quy

định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này, được bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề) được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 50 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/đơn vị.

5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 100 người trở xuống: Tối đa 10 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

VI. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện:

Căn cứ Điều 12 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, quy định:

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của mỗi huyện, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là huyện): Tối đa 06 xe/01 huyện. Riêng các tỉnh mà Huyện ủy, Thành ủy là đơn vị dự toán thuộc Văn phòng Tỉnh ủy đã được xác định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 thì định mức tối đa là 04 xe/01 huyện.

Đối với các huyện đáp ứng 01 trong các tiêu chí sau đây thì được bổ sung định mức 01 xe/01 huyện, đáp ứng từ 02 tiêu chí sau đây trở lên thì được bổ sung 02 xe/01 huyện:

- a) Huyện có từ 15 đơn vị hành chính là xã, thị trấn trở lên.
- b) Huyện có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên.
- c) Huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- d) Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

2. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Huyện ủy) quyết định định mức cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo một trong các phương thức sau đây:

- a) Giao cho Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý xe ô tô tập trung để bố trí phục vụ công tác chung cho các đối tượng của huyện được sử dụng xe ô tô khi đi công tác.
- b) Giao Văn phòng Huyện ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp huyện, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của từng văn phòng, cơ quan, tổ chức, đơn vị.

VII. Xe ô tô phục vụ công tác chung của doanh nghiệp nhà nước: quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

VIII. Xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án và phục vụ hoạt động của dự án: quy định tại Điều 14 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

IX. Xe ô tô phục vụ công tác của các hội quần chúng: quy định tại Điều 20 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

X. Danh mục xe ô tô chuyên dùng: danh mục đăng ký ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

XI. Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô: quy định tại Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

XII. Thuê dịch vụ xe ô tô: quy định tại Điều 22 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

B. Tổ chức sắp xếp lại, xử lý xe ô tô:

I. Xây dựng phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô:

1. Xe ô tô phục vụ công tác chung:

a) Tình hình quản lý, sử dụng, dự kiến phương án sắp xếp lại, xử lý theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023:

(1) Số lượng ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn sau khi xử lý theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019: 95 chiếc (cấp huyện 42 chiếc, cấp tỉnh 53 chiếc).

(2) Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án đấu giá theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 mà đến nay chưa thực hiện bán đấu giá: 52 chiếc (cấp huyện 12 chiếc, cấp tỉnh 40 chiếc).

(3) Số lượng xe bán tải chuyên dùng đã trang bị (không bao gồm ngành y tế, xe bán tải có biển hiệu, xe bán tải phục vụ chuyên dụng của ngành thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở NN&PTNT): 44 chiếc (cấp huyện 12 chiếc, cấp tỉnh 32 chiếc).

(4) Dự kiến số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo tiêu chuẩn Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023: 259 chiếc (cấp huyện: 79 chiếc, cấp tỉnh: 180 chiếc).

(5) Chênh lệch xe ô tô phục vụ công tác cần bổ sung = (4)-(1)-(2)-(3) = 259-95-52-44 = 68 chiếc.

(Danh sách chi tiết kèm theo: Bảng kê 1.1; Bảng kê 1.2)

b) UBND tỉnh chấp thuận cho sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác theo nguyên tắc như sau:

- Áp dụng bổ sung thêm hoặc theo số lượng xe ô tô tối đa để xác định tiêu chuẩn xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo các quy định sau:

+ Tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung khối các Văn phòng cấp tỉnh, điểm h khoản 3 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, theo đó quy định: “Trường hợp tỉnh có diện tích tự nhiên từ 5.000 km² trở lên thì được bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị”.

+ Tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 quy định: “Đối với các huyện đáp ứng 01 trong các tiêu chí sau đây thì được bổ sung định mức 01 xe/01 huyện, đáp ứng từ 02 tiêu chí sau đây trở lên thì được bổ sung 02 xe/01 huyện: a) Huyện có từ 15 đơn vị hành chính là xã, thị trấn trở lên; b) Huyện có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên; c) Huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; d) Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương”.

- Giữ lại xe ô tô đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án đấu giá theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 mà đến nay chưa thực hiện bán đấu giá để xác định tiêu chuẩn cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng.

- Chuyển xe ô tô bán tải chuyên dùng đã trang bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thành xe phục vụ công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023: “Đối với xe ô tô chuyên dùng đã trang bị nhưng nay không thuộc danh mục quy định tại Điều 16 Nghị định này được chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung và thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại Điều 23 Nghị định này”.

Qua rà soát, trường hợp thiếu tiêu chuẩn xe ô tô phục vụ công tác chung so với quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 thì điều chuyển hoặc mua mới bổ sung, trường hợp thừa thì sẽ điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác.

2. Xe ô tô chuyên dùng:

a) Tình hình quản lý, sử dụng:

(1) Tổng số xe ô tô chuyên dùng phê duyệt theo Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai: 361 chiếc.

(2) Tổng số xe ô tô chuyên dùng đã trang bị: 320 chiếc, trong đó có 83 chiếc chủng loại bán tải.

(Danh sách chi tiết kèm theo: Bảng kê 2)

b) UBND tỉnh chấp thuận cho sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng theo nguyên tắc như sau:

- Chuyển xe ô tô bán tải chuyên dùng đã trang bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thành xe phục vụ công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đăng ký ban hành mới hoặc hủy tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

II. Thẩm quyền quyết định sắp xếp lại, xử lý xe ô tô; quản lý sử dụng xe ô tô phục vụ chung, xe ô tô chuyên dùng:

1. Thẩm quyền của Ban Thường vụ tỉnh ủy:

- Quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của từng cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy) và đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy (điểm c khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023).

- Quyết định ban hành khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở địa phương theo quy định tại khoản 8 Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

2. Thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh:

Ban hành Nghị quyết thống nhất số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường (khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023).

3. Thẩm quyền của UBND tỉnh:

Sau khi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy thì UBND tỉnh quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của từng Văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh (điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023).

Quyết định định mức cụ thể xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

Sau khi xin ý kiến các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy thì UBND tỉnh quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

Sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy thì UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng

của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023, trừ đơn vị quy định tại điểm c khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

4. Thẩm quyền của UBND cấp huyện:

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Huyện ủy) quyết định mức cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

III. UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện:

Để tổ chức thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023, UBND tỉnh chỉ đạo như sau:

1. Giao các Sở, Ngành thực hiện:

a) Giao Sở Tài chính:

- Chủ trì xác định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 để lấy ý kiến thống nhất của cơ quan, tổ chức, đơn vị để tham mưu UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh xác định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của từng văn phòng để tham mưu UBND tỉnh quyết định ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

- Chủ trì, phối hợp Sở Y tế căn cứ quy định danh mục xe ô tô chuyên dùng tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 để tham mưu xử lý chuyển sang xe phục vụ công tác đối với các ô tô bán tải đã ban hành tại Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị tham mưu UBND tỉnh quyết định phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng, tham mưu UBND tỉnh quyết định xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023; tham mưu UBND tỉnh thực hiện công khai Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và gửi cơ quan Kho bạc Nhà nước để thực hiện kiểm soát chi theo quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng, tham mưu UBND tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định ban hành khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 7 Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị rà soát, tham mưu UBND tỉnh thông báo xe ô tô chuyên dùng có tiêu chuẩn, định mức còn phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện việc cập nhật đầy đủ, chính xác số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 23 và khoản 3 Điều 24 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

Thời hạn hoàn thành công việc trước ngày 30/9/2024.

b) Giao Sở Nội vụ:

- Cung cấp cho Sở Tài chính danh sách hội quần chúng có tính chất đặc thù được hỗ trợ xe ô tô theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 và Điều 20 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

- Căn cứ quy định số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023. Sở Nội vụ cung cấp cho Sở Tài chính số lượng biên chế hoặc số người làm việc theo đề án vị trí việc làm được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc đã ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có) được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật (hợp đồng lao động có thời hạn không được tính) của toàn bộ các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị bố trí, sắp xếp đội ngũ lái xe khi xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của pháp luật về lao động (nếu có) theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

Thời hạn hoàn thành công việc trước ngày 15/02/2024.

1.3. Giao Văn phòng Tỉnh ủy:

- Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của từng cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy) và đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy (điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023).

- Xây dựng, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định ban hành khoản kinh phí sử dụng xe ô tô của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở địa phương theo quy định tại khoản 8 Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

Thời hạn hoàn thành công việc trước ngày 30/6/2024.

1.4. Giao Sở Y tế xây dựng tiêu chuẩn, định mức xe chuyên dùng lĩnh vực y tế để tham mưu UBND tỉnh quyết định ban hành theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023. Thời hạn hoàn thành công việc trong Quý III/2024.

1.5. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp và tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua để ban hành tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023. Thời hạn hoàn thành công việc trong Quý III/2024.

1.6. Giao Sở Lao động Thương binh và xã hội xác định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi thực hiện nhiệm vụ phục vụ người có công, bảo trợ xã hội và tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua để ban hành tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023. Thời hạn hoàn thành công việc trong Quý III/2024.

1.7. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường xác định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi thực hiện nhiệm vụ phục điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường và tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua để ban hành tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023. Thời hạn hoàn thành công việc trong Quý III/2024.

2. Giao các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý sử dụng xe ô tô:

- Căn cứ quy định số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023. Giao các cơ quan, tổ chức, đơn vị (Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, UBND cấp huyện không phải báo cáo) báo cáo Sở Tài chính về số lượng biên chế hoặc số người làm việc theo đề án vị trí việc làm được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có) được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật (lưu ý hợp đồng lao động có thời hạn không được tính). Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc

chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo số biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc. Thời hạn hoàn thành công việc trước ngày 28/02/2024.

- Rà soát đăng ký ban hành mới hoặc hủy tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023. Thời hạn hoàn thành công việc trước ngày 28/02/2024.

- Rà soát xe ô tô chuyên dùng tại Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai, trường hợp xe ô tô chuyên dùng của đơn vị mình có gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật thì báo cáo Sở Tài chính để tiếp tục sử dụng vào mục đích xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023, trường hợp các cơ quan, đơn vị không báo cáo thì Sở Tài chính sẽ chuyển các xe ô tô chuyên dùng là xe ô tô 04 chỗ, 07 chỗ, 16 chỗ hoặc xe bán tải của các đơn vị thành xe phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023. Thời hạn hoàn thành công việc trước ngày 28/02/2024.

- Khẩn trương xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung đã hết thời hạn sử dụng hoặc chạy quá km quy định đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án bán thanh lý theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019. Thời hạn xử lý trước ngày 30/01/2024, trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị chậm trễ mà cơ quan thanh tra, kiểm toán có ý kiến sử dụng xe ô tô vượt tiêu chuẩn thì chịu trách nhiệm xử lý theo quy định.

3. Giao Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp không có Hội đồng quản lý) ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị theo quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023; thực hiện công khai Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và gửi cơ quan Kho bạc Nhà nước để thực hiện kiểm soát chi theo quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023. Thời hạn hoàn thành công việc trước ngày 30/6/2024.

4. Giao UBND cấp huyện:

Giao UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Huyện ủy quyết định định mức cụ thể xe ô tô phục vụ công tác chung của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023. Thời hạn hoàn thành công việc trước ngày 30/6/2024.

5. Giao các doanh nghiệp nhà nước được ngân sách đảm bảo 100% kinh phí hoạt động nắm giữ 100% vốn điều lệ bao gồm cả các doanh nghiệp là công ty con và đơn vị trực thuộc:

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô phục vụ công tác hiện có; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023. Thời hạn hoàn thành công việc trước ngày 30/6/2024.

Đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nghiêm túc tổ chức thực hiện. Quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh vướng mắc thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét, chỉ đạo xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.

Q. CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức